TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11 - TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 77/2026/HNGĐ-ST Ngày: 24-3-2026 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mai Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Hải Đường;

2. Ông Huỳnh Trung Tài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Liêm là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh tham gia phiên toà: Bà Lâm Thị Bảo Trang -Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 591/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2025 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Tuyết M, sinh ngày 07-01-1985; Căn cước số 072xxxxxxxx; địa chỉ: Tổ A, Ấp A, xã T, tỉnh Tây Ninh. có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Thái Văn C, sinh ngày 01-01-1978; CCCD số 072xxxxxxxx; địa chỉ: Tổ A, Ấp A, xã T, tỉnh Tây Ninh. vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14-10-2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Tuyết M trình bày:

Chị và anh Thái Văn C sau khi qua một thời gian tìm hiểu thì tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện từ năm 2002, đến năm 2019 thì ly hôn, sau đó đi đăng ký hôn lại và đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B (nay là xã T) vào năm 2020. Trong thời gian chung sống chị và anh C không hạnh phúc nhiều lần nộp đơn yêu cầu ly hôn, cho đến đến tháng 10 năm 2025 tiếp tục nộp đơn yêu cầu ly hôn, nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không hợp nhau, tính tình bất hòa, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hiện tại chị và anh C đã sống ly thân. Từ khi ly

thân chị và anh C không ai có thiện chí hàn gắn đoàn tụ, không quan tâm đến cuộc hàng ngày của nhau, mỗi người có một lối sống riêng. Nay nhận thấy tình cảm giữa chị và anh C không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh C có 03 con chung tên Thái Thị Quỳnh N, sinh ngày 04-3-2002; Thái Thị Anh T, sinh ngày 10-12-2003 và Thái Thị Huỳnh T1, sinh ngày 21-9-2009. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Thái Thị Huỳnh T1, sinh ngày 21-9-2009 không yêu cầu anh C cấp dưỡng. Riêng cháu N và cháu T đã thành niên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Thái Văn C đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời trình bày.*

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh.*

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Về hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Tuyết M đối với anh Thái Văn C.

- Về con chung: Giao cho chị M tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Thái Thị Huỳnh T1, sinh năm 2009. Ghi nhận chị M không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Phạm Thị Tuyết M yêu cầu ly hôn với anh Thái Văn C. Anh C đang cư trú tại xã T, tỉnh Tây Ninh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh.

Chị M có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và được Tòa án chấp nhận. Anh C vắng mặt đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Phạm Thị Tuyết M và anh Thái Văn C có đăng kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B (nay là xã T) tỉnh Tây Ninh vào ngày 03-9-2020. Hôn nhân giữa chị M và anh C là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Chị M trình bày: Trong thời gian chung sống chị và anh C không hạnh phúc nhiều lần nộp đơn yêu cầu ly hôn, nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không hợp nhau, tính tình bất hòa, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Hiện tại chị và anh C đã sống ly thân. Từ khi ly thân chị và anh C không ai có thiện chí hàn gắn đoàn tụ, không quan tâm đến cuộc hàng ngày của nhau, mỗi người có một lối sống riêng.

Toà án đã triệu tập anh C để tham gia tố tụng nhưng anh C không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Anh C không có thiện chí, không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Hội đồng xét xử xét thấy cuộc sống hôn nhân gia đình giữa chị M và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, anh chị đã ly thân cho thấy không có khả năng hàn gắn đoàn tụ mối quan hệ vợ chồng giữa chị M và anh C. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M đối với anh C là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Chị M và anh C có 03 con chung tên Thái Thị Quỳnh N, sinh ngày 04-3-2002; Thái Thị Anh T, sinh ngày 10-12-2003 và Thái Thị Huỳnh T1, sinh ngày 21-9-2009. Anh C vắng mặt nên không có ý kiến, chị M yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Thái Thị Huỳnh T1, sinh ngày 21-9-2009 không yêu cầu anh C cấp dưỡng. Qua làm việc với cháu T1 thì cháu có nguyện vọng muốn sống với chị M nên giao cháu T1 cho chị M tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình. Riêng cháu N và cháu T đã thành niên, chị M không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị Tuyết M là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Tuyết M đối với anh Thái Văn C. Chị Phạm Thị Tuyết M được ly hôn đối với anh Thái Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Thái Thị Huỳnh T1, sinh ngày 21-9-2009 cho chị Phạm Thị Tuyết M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị M không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Tuyết M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009172 ngày 23-10-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh; chị M đã nộp đủ án phí.

5. Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND KV 11-Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã Truông Mít;
- Lưu VT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Phan Thị Mai Dung